

MINH BẠCH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP

Lê Thị Mỹ Hạnh

Trường Đại học Tôn Đức Thắng

TÓM TẮT

Khi thị trường tài chính nói chung, thị trường chứng khoán nói riêng phát triển và trở thành một kênh huy động vốn chủ yếu của doanh nghiệp thì vấn đề công khai và minh bạch thông tin tài chính trở thành điều kiện tiên quyết nhằm tạo niềm tin cho các nhà đầu tư. Doanh nghiệp nào biết chú trọng xây dựng hình ảnh của mình thông qua việc cung cấp thông tin đầy đủ và cập nhật sẽ giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận hơn, từ đó cơ hội nhận được sự ủng hộ bằng nhiều hình thức sẽ cao hơn. Bài viết này trình bày một số nét chính yếu về vấn đề minh bạch thông tin tài chính, các nhân tố tác động và những giải pháp nhằm nâng cao tính minh bạch trong thông tin tài chính ở Việt Nam dựa trên các lý thuyết kinh tế, tài chính.

Từ khóa: minh bạch, thông tin tài chính, thị trường chứng khoán

*

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đã thúc đẩy công khai dữ liệu và thông tin kinh tế trong hơn một thập kỉ qua nhằm bảo đảm tính đồng bộ trong quá trình phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, quá trình thực hiện đã chậm hơn sự mong đợi của các nhà quản lí vĩ mô và ngay cả các nhà quản lí vi mô. Sự minh bạch thông tin báo cáo tài chính vừa yếu, vừa thiếu đã cản trở rất nhiều cho sự phát triển của thị trường tài chính ở Việt Nam.

Những người tham gia thị trường như các nhà đầu tư vốn cổ phần, nhà xuất nhập khẩu, người kinh doanh ngoại hối, chủ sở hữu trái phiếu, các ngân hàng, doanh nghiệp, thậm chí cả nông dân đều cần thông tin được minh bạch hóa cập nhật hàng ngày để hoạt động trong nền kinh tế thị trường. Công khai thông tin và tính minh bạch của thông tin sẽ giảm thiểu sự bất ổn thị trường

do tính chủ quan của các nhà hoạch định chính sách gây ra, giúp chính sách tiền tệ dễ dự đoán hơn và các thị trường tài chính hoạt động hiệu quả hơn. Minh bạch và trách nhiệm giải trình cũng có thể đóng một vai trò lớn trong việc giảm thiểu bất ổn kinh tế vĩ mô và ngày càng có nhiều hơn các bằng chứng xuyên quốc gia về lợi ích của việc minh bạch thông tin tài chính.

Bài viết này trình bày một số vấn đề về minh bạch thông tin tài chính và sự ảnh hưởng của nó đối với thị trường chứng khoán dưới góc độ của doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan dưới góc nhìn của người sử dụng thông tin đồng thời bàn về một số kiến nghị khắc phục vấn đề nêu trên (thuật ngữ “thông tin tài chính” được sử dụng trong bài viết này được hiểu là “thông tin trên báo cáo tài chính”).

2. Cơ sở lý luận về minh bạch thông tin tài chính

2.1. Bản chất của thông tin tài chính

Trong nền kinh tế thị trường, có rất nhiều đối tượng quan tâm và sử dụng thông tin tài chính của doanh nghiệp. Mỗi đối tượng quan tâm theo những góc độ và với các mục tiêu khác nhau, phụ thuộc vào lợi ích kinh tế của họ đối với doanh nghiệp. Tùy thuộc vào chủ thể phân tích, thông tin tài chính đóng một vai trò quan trọng trong quá trình ra quyết định của các chủ thể này dựa vào mục đích sử dụng thông tin của chủ thể. Thông tin tài chính là những thông tin liên quan đến dòng tiền, kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp ở những thời điểm nhất định và cụ thể. Thông tin tài chính có thể là thông tin trong quá khứ hoặc thông tin mang tính dự báo. Nó có thể được đo lường một cách chính xác và biểu hiện bằng đơn vị tiền tệ. Thông tin tài chính thường được thể hiện trên các báo cáo tài chính của doanh nghiệp (Nivra, 2009).

Nói cách khác thông tin tài chính là thông tin có được thông qua các báo cáo tài chính của doanh nghiệp như: thông tin về tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí của doanh nghiệp, do doanh nghiệp cung cấp và chủ yếu có được từ công tác kế toán tài chính của doanh nghiệp qua các báo cáo tài chính gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính của tổ chức hay doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

2.2. Minh bạch thông tin tài chính

Các tác giả Vishwanath, Kaufmann (1999) nhấn mạnh “minh bạch là sự đầy

đủ, tin cậy và kịp thời trong việc công bố thông tin và sự tiếp cận dễ dàng từ phía công chúng đối với sự đầy đủ, tin cậy và kịp thời đó”. Theo Tara Vishwanath và Daneil Karfman (1999), “minh bạch thông tin mô tả luồng thông tin chính trị, xã hội và kinh tế tin cậy, kịp thời. Ngược lại với điều đó là việc thiếu minh bạch hoặc làm sai lệch thông tin hoặc không đảm bảo rằng thông tin cung cấp là thích hợp và chất lượng”. Robert Bushman, Joseph Piotroski, Abbie Smith (2001), cho rằng minh bạch thông tin tài chính là sự sẵn có của thông tin cụ thể về công ty cho các nhà đầu tư và cổ đông bên ngoài; Bushman và nhóm tác giả đã đo lường cơ chế cung cấp thông tin theo ba nhóm:

(1) Những qui định trong báo cáo tài chính của công ty (gồm mức độ, nguyên tắc, tính kịp thời của báo cáo tài chính, chất lượng kiểm toán và mức độ công khai thông tin quản trị...).

(2) Mức độ đáp ứng được các thông tin riêng biệt của doanh nghiệp.

(3) Mức độ phổ biến của thông tin gồm khả năng tiếp cận thông tin qua các phương tiện truyền thông.

Liên quan đến vấn đề công bố thông tin và tính minh bạch, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2004) cho rằng, “Khuôn khổ quản trị công ty phải đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời và chính xác về mọi vấn đề quan trọng liên quan đến công ty, bao gồm tình hình tài chính, tình hình hoạt động, sở hữu và quản trị công ty”.

Từ những khái niệm trên, chúng tôi quan niệm rằng, minh bạch thông tin tài chính là việc cung cấp các thông tin tài

chính một cách tin cậy, kịp thời, chính xác, đầy đủ, nhất quán và thích hợp theo cách thức mà công chúng có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

2.3. Vai trò của minh bạch thông tin tài chính

Đối với nhà đầu tư, minh bạch thông tin góp phần giảm thiểu rủi ro, giảm thiểu chi phí trung gian, giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định chính xác hơn.

Đối với doanh nghiệp, minh bạch thông tin giúp các doanh nghiệp giảm chi phí sử dụng vốn, góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (như giúp các doanh nghiệp lựa chọn được dự án đầu tư phù hợp, tạo ra một cơ chế giám sát các nhà quản lý trong doanh nghiệp hiệu quả, buộc các nhà quản lý phải hành động vì lợi ích của các chủ sở hữu).

Đối với quản lý nhà nước, minh bạch thông tin tài chính giúp cơ quan quản lý có được cái nhìn tổng quát và sát thực hơn về tài chính, đề ra được biện pháp phù hợp để hạn chế và ngăn chặn các hành vi vi phạm trên thị trường tài chính, thực hiện các chức năng quản lý vĩ mô hiệu quả, đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư và các bên tham gia trên thị trường.

Đối với thị trường tài chính, minh bạch thông tin góp phần xây dựng một thị trường tài chính hoạt động hiệu quả. Minh bạch thông tin là một trong những yếu tố quyết định khả năng cạnh tranh của thị trường tài chính quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

2.4. Một số lý thuyết liên quan, ảnh hưởng đến thông tin

2.4.1. Thông tin hữu ích

Theo lý thuyết thông tin hữu ích,

thông tin tài chính được thiết lập dựa trên các giả thiết:

- Luôn tồn tại sự mất cân đối về mặt thông tin giữa người lập báo cáo tài chính và người sử dụng thông tin.

- Nhu cầu của người sử dụng thông tin kế toán là không được xác định trước và cần được xác định thông qua các dẫn chứng thực tế.

- Việc đáp ứng thông tin của người sử dụng được thực hiện thông qua những bên có lợi ích liên quan đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Tính hữu ích của thông tin cần được đánh giá trong mối tương quan lợi ích – chi phí khi thực hiện công việc kế toán.

Người sử dụng thông tin là nhân tố quyết định trong việc đánh giá tính minh bạch trong việc trình bày các thông tin tài chính tới người sử dụng.

2.4.2. Thông tin bất cân xứng

Lý thuyết về thông tin bất cân xứng (Asymmetric Information) lần đầu tiên xuất hiện vào những năm 1970 và đến năm 2001, các nhà khoa học nghiên cứu lý thuyết này là George Akerlof, Michael Spence và Jose Stiglitz đã được nhận giải Nobel kinh tế cho những nỗ lực nghiên cứu của lý thuyết về thông tin bất cân xứng. “Thông tin bất cân xứng trên thị trường chứng khoán xảy ra khi một hoặc nhiều nhà đầu tư sở hữu được thông tin riêng” (Kyle, 1985 trích trong Ravi 2005); hoặc có nhiều thông tin công bố hơn về một công ty so với các nhà đầu tư còn lại.

Nói cách khác, thông tin bất cân xứng xuất hiện khi người mua và người bán có các thông tin khác nhau. Điều này xuất hiện từ buổi đầu tiên của việc trao đổi buôn bán.

2.4.3. Tiết kiệm chi phí thông tin

Công bố thông tin có liên quan đến lợi ích của doanh nghiệp. Thông tin càng minh bạch thì sự quan tâm của công chúng đối với doanh nghiệp càng gia tăng, giá trị đầu tư của doanh nghiệp càng được nâng cao. Tuy nhiên, để minh bạch thông tin tài chính, yêu cầu về việc thiết lập một hệ thống kế toán để thực hiện quá trình thu thập, xử lý và trình bày thông tin một cách hữu hiệu là hết sức cần thiết. Ngoài các chi phí phải bỏ ra để thiết lập nguồn thông tin bình thường, để thông tin được cung cấp một cách minh bạch, doanh nghiệp cần phải tiêu tốn nhiều chi phí hơn bình thường. Ngoài ra, việc tăng cường công bố thông tin, cũng là trở ngại khi các đối tượng bên ngoài là các đối thủ cạnh tranh, đối tác... lợi dụng các thông tin đó để gây bất lợi cho doanh nghiệp.

Do đó việc xem xét và cân nhắc giữa lợi ích và chi phí được đặt ra cho quá trình công bố thông tin của doanh nghiệp. Cân bằng giữa lợi ích và chi phí được đặt ra trên cơ sở phần lợi ích và doanh nghiệp thu được phải lớn hơn chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra.

2.4.4. Lí thuyết đại diện

Lí thuyết người chủ – người đại diện (sau đây gọi là lí thuyết đại diện) xuất hiện trong bối cảnh việc quản trị kinh doanh gắn liền với những nghiên cứu về hành vi của người chủ và người làm thuê thông qua các hợp đồng.

Michael C. Jensen và William H. Meckling trong *“Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure”* (Lí thuyết công ty: hành vi quản trị, chi phí đại diện và cấu trúc sở hữu – 1976) thì lí thuyết đại diện

mới thật sự được quan tâm nhiều. Nội dung của lí thuyết gồm các điểm chính sau:

(1) Chủ thể (principal) hay chủ sở hữu vốn (shareholders) và người đại diện (agent) hay nhà quản trị (manager) luôn có sự đối nghịch về lợi ích. Người sở hữu vốn quan tâm đến giá trị công ty, giá cổ phiếu (cũng chính là lợi ích của bản thân họ). Trong khi đó nhà quản trị về cơ bản không quan tâm nhiều đến lợi ích của cổ đông mà quan tâm đến lợi ích của mình (lương, thưởng, phụ cấp, nguồn thu khác dựa trên vị trí công tác của mình).

(2) Việc không đồng nhất lợi ích giữa cổ đông (chủ sở hữu) và giám đốc (người đại diện) làm phát sinh một loại chi phí gọi là “chi phí đại diện” (agent costs), là loại chi phí để duy trì một mối quan hệ đại diện hiệu quả (ví dụ một khoản tiền thưởng vì những gì đã thể hiện của nhà quản trị để khuyến khích họ làm việc vì lợi ích của các cổ đông). Chi phí này bằng không khi chủ sở hữu đồng thời là giám đốc công ty. Cụ thể hơn, khi giám đốc sở hữu toàn bộ vốn của công ty. Chi phí đại diện càng lớn khi giám đốc sở hữu ít hoặc không sở hữu cổ phiếu công ty.

3. Các nhân tố tác động đến minh bạch thông tin tài chính tại Việt Nam

3.1 Những nhân tố tác động đến tính minh bạch thông tin tài chính

3.1.1. Hệ thống kế toán và đặc điểm tài chính bên trong của doanh nghiệp

Hệ thống kế toán là phương tiện/công cụ phản ánh quá trình hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Các số liệu/thông tin này sẽ được tập hợp và trình bày dưới hình thức của các báo cáo tài chính theo qui định của Bộ Tài chính. Sự minh

bạch càng cao phụ thuộc hoàn toàn vào sự chủ quan, tính trung thực của doanh nghiệp trong việc lập, trình bày và công bố thông tin tài chính.

Nguyên nhân làm hạn chế sự minh bạch thông tin tài chính có thể kể đến như: doanh nghiệp muốn che dấu kết quả kinh doanh không tốt hoặc cường điệu kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình (gian lận – thông tin bất cân xứng), trình độ, năng lực của hệ thống kế toán của doanh nghiệp không đáp ứng được yêu cầu (sai sót).

3.1.2. Hệ thống chuẩn mực kế toán và các qui định pháp lý

Các doanh nghiệp phải tuân thủ các chuẩn mực kế toán có liên quan đến những nội dung mà báo cáo tài chính sẽ trình bày. Các chuẩn mực này nhằm mục đích tăng cường và nâng cao chất lượng của thông tin tài chính về tính minh bạch của báo cáo tài chính.

Tính minh bạch của các báo cáo tài chính là một sự khẳng định, là sự lựa chọn duy nhất mà đó là trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như của doanh nghiệp.

Đối với kế toán quốc tế, tính minh bạch của báo cáo tài chính được thực hiện thuận lợi do:

- Môi trường pháp lý được hoàn thiện và cơ quan quản lý nhà nước quan tâm một cách đầy đủ đến sự minh bạch của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

- Trình độ, nhận thức của xã hội về minh bạch thông tin tài chính đặt ra yêu cầu cao đối với các doanh nghiệp.

- Tính trách nhiệm về sự minh bạch thông tin tài chính của các doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin cho xã hội.

- Là yêu cầu bắt buộc của các đối tượng có liên quan trong kinh doanh đối với doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, các điều kiện trên không đầy đủ, nhiều hạn chế và vẫn còn mang tính hình thức. Vì vậy tính minh bạch của các báo cáo tài chính còn hạn chế.

3.1.3. Chất lượng báo cáo tài chính và thời gian công bố thông tin.

Mục đích của các báo cáo tài chính là cung cấp thông tin tài chính của doanh nghiệp cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng. Tính minh bạch của các báo cáo tài chính được đảm bảo thông qua việc công bố đầy đủ và sự thuyết minh rõ ràng, tường tận về những thông tin hữu ích, cần thiết cho việc ra quyết định kinh tế của nhiều đối tượng sử dụng thông tin. Chất lượng báo cáo tài chính còn được thể hiện ở chỗ thông tin phải được trình bày một cách nhất quán giữa các thời kỳ và giữa các doanh nghiệp để giúp cho các đối tượng sử dụng có thể đưa ra các đánh giá, so sánh quan trọng. Xét trên phương diện trọng yếu, một số trường hợp cần lưu ý:

- Lập báo cáo trễ hay chậm hơn qui định có thể làm tăng độ tin cậy nhưng cũng có thể làm mất đi tính thích hợp.

- Lợi ích do thông tin mang lại thường là phải lớn hơn chi phí bỏ ra để cung cấp những thông tin đó.

- Trong một số điều kiện nhất định, doanh nghiệp phải cân nhắc hợp lý giữa các yêu cầu để các báo cáo tài chính đạt được mục tiêu trung thực và hợp lý.

- Việc không công bố báo cáo tài chính kém chất lượng vẫn tốt hơn là công bố những thông tin sai lệch.

3.2. Một số nguyên nhân vì sao thông tin tài chính của Việt Nam chưa thực sự minh bạch

– Thiếu khung pháp lý chế tài các doanh nghiệp về việc công bố thông tin và chất lượng thông tin tài chính (bao gồm về trách nhiệm lập, trình bày báo cáo tài chính, thời gian công bố, tính chính xác).

– Chưa thực hiện đầy đủ các qui định chung của chuẩn mực kế toán quốc tế về lập và trình bày các báo cáo tài chính.

– Hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ còn thiếu và yếu, thậm chí có doanh nghiệp không tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ đúng qui trình.

– Hệ thống và nội dung báo cáo tài chính vừa thiếu, vừa thừa và chưa đầy đủ để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện việc trình bày nội dung các thông tin tài chính.

– Các tổ chức/cá nhân sử dụng thông tin còn thụ động, chưa chú trọng đúng mức đến chất lượng thông tin tài chính của doanh nghiệp.

– Chất lượng và trách nhiệm của các công ty kiểm toán.

– Không đủ điều kiện để định lượng các rủi ro.

4. Một số kiến nghị nhằm nâng cao tính minh bạch thông tin tài chính

4.1. Nâng cao chất lượng hệ thống kế toán của doanh nghiệp

Để báo cáo tài chính thực sự phản ánh đúng hiện trạng của doanh nghiệp thông qua các hoạt động kinh tế, doanh nghiệp cần tập trung vào các công tác:

– Tuyển dụng nhân viên kế toán đủ trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ. Nhân viên kế toán phải có đầy đủ các phẩm chất và tiêu chuẩn đã được qui định.

– Cập nhật kịp thời các chuẩn mực, qui định của cơ quan quản lý về kế toán.

– Trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị phục vụ cho công tác kế toán: máy tính, phần mềm...

– Tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ để tăng cường tính tuân thủ trong hoạt động của doanh nghiệp.

4.2. Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước

Nhà nước mà cụ thể là Bộ Tài chính cần tăng cường hiệu lực quản lý đối với việc minh bạch thông tin tài chính thông qua các chuẩn mực, qui định và các biện pháp chế tài về trách nhiệm lập, trình bày và công bố thông tin tài chính trên các phương tiện thông tin đại chúng để giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin có điều kiện tiếp cận thông tin tài chính của doanh nghiệp nhanh chóng và bảo đảm tính minh bạch của những thông tin tài chính này.

Các biện pháp chế tài cần được kèm theo sự động viên đối với trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc minh bạch thông tin tài chính với mức độ đủ sức răn đe và khuyến khích doanh nghiệp ngày càng có trách nhiệm hơn trong quá trình minh bạch thông tin tài chính.

4.3. Rà soát lại các chuẩn mực và qui định kế toán trong quá trình lập báo cáo tài chính

Hiện nay, có nhiều qui định của kế toán và chuẩn mực kế toán không đồng nhất với nhau làm cho các doanh nghiệp gặp nhiều lúng túng khi xử lý thông tin trong hạch toán kế toán của mình.

Cụ thể là qui định về xác định và hạch toán “lợi thế thương mại” của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS 25 và VAS 11). Ví dụ

xác định các khoản lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết của VAS 25 thì nếu phát sinh lợi thế thương mại (cả âm và dương) thì sẽ được phân bổ hàng năm, còn theo VAS 11 thì nếu phát sinh lợi thế thương mại dương sẽ được phân bổ hàng năm nhưng nếu phát sinh lợi thế thương mại âm sẽ ghi nhận toàn bộ vào thu nhập khác hoặc chi phí khác sau khi xem xét lại (đưa vào TK 711 hoặc 811).

4.4. Đánh giá hoặc kiểm định chất lượng các công ty kiểm toán

Để tăng cường chất lượng kiểm toán của các tổ chức dịch vụ kiểm toán, cần thiết phải có một tổ chức kiểm định độc lập về chất lượng dịch vụ kiểm toán. Một số tiêu chí có thể tham khảo để đánh giá chất lượng kiểm toán của các tổ chức kiểm toán như:

- Khách quan, trung thực, có chính kiến và mục tiêu rõ ràng thông qua kết luận kiểm toán.

- Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc, chuẩn mực kiểm toán.

- Các đánh giá, nhận định và kết luận đều phải được đảm bảo bằng những bằng chứng xác thực.

- Tạo sự an tâm cho các đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán về các thông tin về tài chính, về hoạt động hiện thực của các đơn vị.

4.5. Cải tiến soát xét lại nội dung và trình bày hệ thống báo cáo tài chính

- Xem xét lại việc trình bày các khoản dự phòng (giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán vào giữa niên độ thay vì vào cuối niên độ).

- Qui định thuyết minh/báo cáo đầy đủ hơn về nguồn vốn chủ sở hữu.

4.6. Tăng cường công bố các thông tin tài chính của doanh nghiệp trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng

Nhà nước cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để các đối tượng sử dụng thông tin có điều kiện tiếp cận thông tin tài chính của doanh nghiệp. Qua đó, đối tượng sử dụng thông tin tài chính có những quyết định chính xác hơn trong việc tham khảo sử dụng thông tin. Sự tương tác giữa đối tượng sử dụng thông tin và doanh nghiệp cung cấp thông tin sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch trong các thông tin tài chính được công bố.

4.7. Khuyến khích các doanh nghiệp đo lường và công bố các rủi ro đã được định lượng

Rủi ro còn được hiểu là những bất trắc ngoài ý muốn xảy ra trong quá trình kinh doanh, sản xuất của doanh nghiệp, tác động xấu đến sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp. Theo trường phái hiện đại, rủi ro (risk) là sự bất trắc có thể đo lường được, vừa mang tính tích cực, vừa mang tính tiêu cực. Rủi ro có thể mang đến những tổn thất mất mát cho con người nhưng cũng có thể mang lại những lợi ích, những cơ hội. Nếu tích cực nghiên cứu rủi ro, người ta có thể tìm ra những biện pháp phòng ngừa, hạn chế những rủi ro tiêu cực, đón nhận những cơ hội mang lại kết quả tốt đẹp cho tương lai.

Đánh giá/đo lường và công bố những rủi ro dự kiến trong tương lai của doanh nghiệp là nhân tố góp phần nâng cao tính minh bạch của thông tin tài chính vì đối tượng sử dụng thông tin tài chính có nhiều phương án hơn cho quyết định của mình trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

5. Kết luận

– Khi thị trường tài chính nói chung, thị trường chứng khoán nói riêng phát triển và trở thành một kênh huy động vốn chủ yếu của doanh nghiệp thì vấn đề công khai và minh bạch thông tin tài chính trở thành điều kiện tiên quyết nhằm tạo niềm tin cho các nhà đầu tư.

– Doanh nghiệp nào biết chú trọng xây dựng hình ảnh của mình thông qua việc

cung cấp thông tin đầy đủ và cập nhật sẽ giúp nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận hơn, từ đó cơ hội nhận được sự ủng hộ bằng nhiều hình thức sẽ cao hơn.

– Khi thông tin trở thành một nguồn lực cạnh tranh của các doanh nghiệp thì công khai và minh bạch thông tin trên các báo cáo tài chính là tạo lợi thế cạnh tranh cho công ty, nâng cao giá trị doanh nghiệp trong góc nhìn của các nhà đầu tư.

EXPLICITNESS IN INFORMATION IN FINANCIAL REPORT – THE INFLUENCING FACTORS AND SOLUTIONS

Le Thi My Hanh

Ton Duc Thang University

ABSTRACT

When financial markets in general, and stock markets in specific develop and become a major funding channel of enterprises, the explicitness in financial information becomes a prerequisite condition to establish trust for investors. Enterprises focus on building their image through providing adequate and updated information will help investors approach easily, from which opportunities to get support by various methods will be higher. The article presents some major features of the explicitness in financial information, influencing factors and solutions to enhance the explicitness in financial information in Vietnam based on the economic and financial theories.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài chính (2003), *Chuẩn mực kế toán số 21: Trình bày báo cáo tài chính*, Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC.
- [2]. International Finance Corporation (World Bank Group) (2004), *Các nguyên tắc quản trị công ty của OECD*. Dịch từ tiếng Anh. Tổ chức Tài chính Quốc tế tại Việt Nam (IFC), 2010.
- [3]. Robert Bushman, Joseph Piotroski, Abbie Smith (2001), *What determines corporate transparency?* Article first published online 15 APR 2004. Journal of Accounting Research, volume 42, Issue 2, pages 207–252, May 2004.
- [4]. Michael, O., Hong, V., and Satya, N. (2006), *Transparency in financial statements: a conceptual framework from a user perspective*, Journal of American Academy of Business, Cambridge; Mar 2006; 9, 1; ProQuest Central, Pages 47-51.
- [5]. Phillips, Thomas J, Jr; Drake, Andrea; Luehlfling, Michael S., *Transparency in financial reporting: a look at rules-based versus principles-based standards*, Academy of Accounting and Financial Studies Journal 14. 4 (2010): 11-28.
- [6]. Zarb, Bert J (2006), *The quest for transparency in financial reporting: certified public accountant*, The CPA Journal 76. 9 (Sep 2006): 30-33.